

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2023/DS-PT
Ngày 24-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 305/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1992; địa chỉ: số I, đường N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2000, địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh hoặc bà Vũ Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Hà Tĩnh hoặc ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1989; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bà H, bà T và ông T1 cùng địa chỉ liên hệ: số C, đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2023), ông T1 có mặt, bà H và bà T vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Ngọc M, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị Mỹ Y**, sinh năm 2000; địa chỉ: **số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có mặt.

- *Người kháng cáo:* người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Trần Thanh P** là ông **Nguyễn Duy T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông **Trần Thanh P** và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Giữa năm 2017 đến năm 2019, trong quá trình tìm hiểu với bạn gái là **Trần Thị Mỹ Y**, ông **Trần Thanh P** có cho bà **Đặng Thị Ngọc M** là mẹ của bà **Y** vay tiền nhiều lần để giải quyết công việc cá nhân và nhận tiền để giúp ông **Trần Thanh P** chơi hụi hàng tháng. Số tiền ông **P** cho bà **M** vay cụ thể như sau:

Giữa năm 2017, ông **P** cho bà **M** vay số tiền 30.000.000 đồng. Cuối năm 2017, ông **P** cho bà **M** vay số tiền 70.000.000 đồng. Từ tháng 01 đến tháng 10 năm 2019, ông **P** cho bà **M** vay số tiền 54.000.000 đồng. Tháng 8/2021, ông **P** cho bà **M** vay số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng ông **P** cho bà **M** vay số tiền 194.000.000 đồng.

Qua tìm hiểu thì ông **P** biết bà **M** gian dối trong việc chơi hụi giúp ông **P** và do có nhu cầu cần sử dụng tiền nên ông **P** đã yêu cầu bà **M** trả lại số tiền đã vay. Bà **M** hứa hẹn nhiều lần và đến nay vẫn chưa trả lại tiền cho ông **P**. Việc ông **P** cho bà **M** vay là do tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ cho vay. Ông **P** không có chứng cứ nào để chứng minh việc cho bà **M** vay số tiền trên, chỉ có đoạn ghi âm được chuyển hóa thành vi bằng và đã giao nộp cho Tòa án. Do nhiều lần liên hệ yêu cầu bà **M** thanh toán số tiền đã vay nhưng bà **M** không trả nên ông **P** khởi kiện yêu cầu bà **M** phải trả lại số tiền gốc là 194.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tiền lãi tạm tính từ tháng 12/2019 đến tháng 9/2022 với số tiền là 109.804.000 đồng.

*Bị đơn bà **Đặng Thị Ngọc M** trình bày:*

Bị đơn xác định ông **P** có tìm hiểu và quen với con bà là bà **Trần Thị Mỹ Y** nhưng hiện nay cả hai không còn qua lại với nhau. Việc ông **P** cho rằng bà **M** vay tiền của ông **P** và ông **P** đưa tiền cho bà **M** chơi hụi giúp là không có, bà **M** xác định là bà **M** không có vay tiền của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn cung cấp chứng cứ; bị đơn không thừa nhận vi bằng mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án vì đó là ý chí một chiều của nguyên đơn. Do đó, bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người làm chứng bà **Trần Thị Mỹ Y** trình bày:*

Bà **Y** xác định có thời gian quen biết ông **P**, trong thời gian quen nhau, ông **P** hay lại nhà của bà **Y** chơi nhưng việc ông **P** cho mẹ bà **Y** vay tiền hay chơi hụi giúp là hoàn toàn không có. Do hiện nay hai bên không còn qua lại nên ông **P** đặt điều không có để lấy lý do khởi kiện mẹ của bà **Y**.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Thanh P** về việc yêu cầu bị đơn bà **Đặng Thị Ngọc M** trả lại số tiền nợ gốc 194.000.000 đồng và số tiền lãi là 109.804.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Trần Thanh P** là ông **Nguyễn Duy T1** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện; ông **T1** bổ sung nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án tính lãi suất từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/7/2023 với số tiền là 72.159.000 đồng. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc giám định giọng nói của bà **M** là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông **P**.

Bà **M** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **M** xác định không có vay tiền của ông **P**. Đối với chứng cứ do ông **P** xuất trình thì bà **M** cho rằng không phải là của bà **M**, bà **M** không có cháu tên **T2** theo như nội dung file ghi âm mà nguyên đơn đã lập vi bằng. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn trình bày có cho bị đơn vay nhiều lần với tổng số tiền là 194.000.000 đồng; nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay trên nhưng bị đơn không thực hiện. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là file ghi âm đã được lập Vi bằng số 78/2022/VB-TPLĐB ngày 13/4/2022 của **Văn phòng T3** chỉ thể hiện ý chí đơn phương của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận chứng cứ trên là có căn cứ. Ngoài chứng cứ trên, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ nào chứng minh có việc bà **M** vay tiền của ông **P**. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông **Trần Thanh P** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Đặng Thị Ngọc M** trả số tiền đã vay là 194.000.000 đồng cùng với lãi suất của số tiền trên từ tháng 12/2019 đến tháng 9/2022 với số tiền là 109.804.000 đồng (lãi suất 20%/tháng). Chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Vi bằng số 78/2022/VB-TPLĐB ngày 13/4/2022 của **Văn phòng T3**.

[2] Bị đơn bà **Đặng Thị Ngọc M** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng bà **M** không có vay ông **P**; bà **M** không thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình.

[3] Xét Vi bằng số 78/2022/VB-TPLĐB ngày 13/4/2022 của **Văn phòng T3** đã ghi nhận việc mở file ghi âm cuộc gọi trên điện thoại di động được thực hiện vào ngày 18/01/2020 để nghe nội dung ghi âm, trích xuất file ghi âm ra USB để lưu giữ và trích nội dung file ghi âm ra văn bản. Như vậy, vi bằng mà nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện ý chí đơn phương của nguyên đơn, không có căn cứ xác định người được ghi âm là bà **Đặng Thị Ngọc M**, là người mà nguyên đơn khởi kiện. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu giám định giọng nói của bà **M** nên nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có yêu cầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là không có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giám định giọng nói đối với file ghi âm đã được lập vi bằng, Tòa án cấp phúc thẩm đã thông báo không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn do mẫu so sánh không được thu thập hợp lệ theo Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, giành cho người đại diện hợp pháp của nguyên đơn quyền tự yêu cầu giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng không cung cấp được kết quả tự giám định để chứng minh cho chứng cứ mà nguyên đơn đã xuất trình làm căn cứ khởi kiện. Mặt khác, theo nội dung file đã được ghi nhận không có bất kỳ nội dung nào ghi nhận việc vay số tiền 194.000.000 đồng cũng như thỏa thuận về số tiền trên để có căn cứ xác định giữa ông **P** với bà **M** có tồn tại quan hệ giao dịch vay mượn tiền.

[4] Như vậy, nguyên đơn khởi kiện ngoài chứng cứ là file ghi âm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng nào khác chứng minh bà **Đặng Thị Ngọc M** có vay nguyên đơn số tiền 194.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Trần Thanh P** là ông **Nguyễn Duy T1**.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông **Trần Thanh P** phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004279 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (do bà **Vũ Thị T** nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết